

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ NỘI DUNG SỐ QNA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ NỘI DUNG SỐ QNA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QNA TECHNOLOGY AND DIGITAL CONTENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109729496

3. Ngày thành lập: 06/08/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 8/10/58 đường Nguyễn Khánh Toàn, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0833211211

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
2.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Gửi hàng; Giao nhận hàng hóa.	5229
3.	Hoạt động hậu kỳ	5912
4.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao, tem và tiền kim khí)	4773
5.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ dạy kèm: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559(Chính)
6.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)	7320
7.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
8.	Đại lý du lịch	7911
9.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
10.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Việc tổ chức, xúc tiến và quản lý các sự kiện, như kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị, có hoặc không có quản lý và cung cấp nhân viên đảm nhận những vấn đề tổ chức.	8230
11.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
12.	Dịch vụ đóng gói	8292

13.	Sao chép bản ghi các loại (Trừ loại nhà nước cấm)	1820
14.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
15.	Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
16.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động sản xuất các chương trình truyền hình (trừ hoạt động liên kết sản xuất chương trình đối với các chương trình phát thanh, truyền hình thời sự - chính trị)	5911
17.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
18.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
19.	Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
20.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
21.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
22.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
23.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
24.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
25.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
26.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
27.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động báo chí)	6399
28.	Lập trình máy vi tính	6201
29.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
30.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket), Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)	4711
31.	Giáo dục nhà trẻ	8511
32.	Giáo dục mẫu giáo	8512
33.	Giáo dục tiểu học	8521
34.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
35.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
36.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
37.	In ấn (trừ loại Nhà nước cấm)	1811

38.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
39.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại Nhà nước cấm)	4690
40.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
41.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
42.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
43.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
44.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn trong lĩnh vực công nghệ thông tin	7490
45.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
46.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn bất động sản (Điều 74 Luật Kinh doanh bất động sản 2014)	6820
47.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Đại lý dịch vụ viễn thông	6190
48.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
49.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
50.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
51.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn luật, kế toán, kiểm toán)	7020
52.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
53.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Hoạt động đại lý bảo hiểm	6622
54.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
55.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
56.	Sản xuất thiết bị truyền thông (trừ thiết bị thu, phát sóng)	2630
57.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
58.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
59.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
60.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
61.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
62.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
63.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732

64.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
65.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
66.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
67.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
68.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
69.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
70.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
71.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
72.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
73.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
74.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
75.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
76.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
77.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
78.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐINH THỊ THẾ ANH	Số 38 ngách 99/1 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	80,000	0341770000 27	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	80,000		
2	VŨ THỊ MAI DUNG	Tổ 49, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	013379172	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000		

3	PHẠM MINH THĂNG	Thôn Tân Hồng, Xã Ba Trại, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	111479738	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ THỊ MAI DUNG**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *07/05/1980*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *013379172*

Ngày cấp: *18/03/2011* Nơi cấp: *Công an Thành phố Hà Nội*

Địa chỉ thường trú: *Tổ 49, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *P907 tòa N5B Hoàng Đạo Thúy, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội